

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV CAO SU LỘC NINH

BÁO CÁO
XÁC ĐỊNH NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG
CÔNG TY TNHH MTV CAO SU LỘC NINH

Năm 2020

MỤC LỤC

I. TỔNG QUAN VỀ QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG

1. Khái niệm về người dân tộc, cộng đồng địa phương..... 1
2. Quan hệ cộng đồng trong hoạt động quản lý rừng bền vững 1

II. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI..... 1

1. Điều kiện tự nhiên 1
 - 1.1. Vị trí địa lý: 1
 - 1.2. Địa hình 2
 - 1.3. Khí hậu 2
 - 1.4. Lượng mưa 2
 - 1.5. Độ ẩm 2
 - 1.6. Thủy văn..... 2
2. Đất đai 3
3. Kinh tế, xã hội 3
 - 3.1. Kinh tế: 3
 - 3.2. Dân số..... 3
 - 3.3. Lao động..... 3
 - 3.5. Chính sách xã hội 4
 - 3.6. Quốc phòng an ninh trên địa bàn 4

III. XÁC ĐỊNH DÂN TỘC CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG 4

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 6

1. Kết luận..... 6
2. Kiến nghị 6

I. TỔNG QUAN VỀ QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG

1. Khái niệm về người dân tộc, cộng đồng địa phương

Người dân tộc: Người và các nhóm người có thể nhận biết theo, hoặc có đặc trưng sau:

- Một đặc trưng hoặc tiêu chí quan trọng là tự cộng nhận là những người bản địa ở cấp độ cá nhân và được sự chấp thuận của cộng đồng, được coi họ là thành viên của cộng đồng;

- Tính liên tục về lịch sử của các xã hội tiền thuộc địa hoặc tiền định cư;

- Có liên quan quan chặt chẽ với vùng lãnh thổ và các tài nguyên thiên nhiên xung quanh;

- Các hệ thống xã hội, kinh tế hoặc chính trị riêng biệt;

- Ngôn ngữ, văn hóa và tín ngưỡng riêng biệt;

- Hình thành các nhóm xã hội không chiếm ưu thế;

- Quyết định duy trì và phục hồi các hệ thống và môi trường tổ tiên của họ như là các dân tộc và cộng đồng đặc biệt.

Cộng đồng địa phương: Là các cộng đồng với quy mô bất kỳ nằm trong hoặc tiếp giáp với đơn vị Quản lý hoặc là những cộng đồng nằm đủ gần để có một tác động quan trọng đến kinh tế hoặc giá trị môi trường của đơn vị Quản lý, hay điều kiện kinh tế, quyền lợi và môi trường của họ bị ảnh hưởng lớn bởi các hoạt động quản lý của đơn vị Quản lý.

2. Quan hệ cộng đồng trong hoạt động quản lý rừng bền vững

Cộng đồng địa phương tại địa bàn có diện tích rừng thuộc Công ty quản lý đa phần đều sinh sống gần khu rừng, các hoạt động của họ hầu như có liên quan đến rừng đặc biệt là người dân tộc trên địa bàn huyện... Những dân tộc sống lâu đời ở nơi đây họ kiếm sống chủ yếu là nhờ canh tác nương rẫy, săn bắt, thu hái lâm sản ngoài gỗ. Bên cạnh đó họ còn có riêng những văn hóa tns ngưỡng, tập tục liên quan đến rừng.

Trong quá trình thực hiện quản lý rừng bền vững các hoạt động quản lý phải đảm bảo không gây ra tác động tiêu cực đến cộng đồng địa phương nói chung và người dân tộc thiểu số nói riêng. Ngược lại các hoạt động về văn hóa xã hội, kinh tế của người dân tộc, cộng đồng địa phương cũng phải đảm bảo không gây cản trở cho các hoạt động quản lý rừng bền vững.

II. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Điều kiện tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý:

Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh có địa bàn nằm trên 13 xã, phường thuộc các huyện Lộc Ninh, Bù Đốp của tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

Huyện Lộc Ninh

- Phía Bắc: giáp các xã Lộc An, Lộc Hòa, khu kinh tế Cửa Khẩu Hoa Lư
- Phía Nam: giáp các xã Lộc Thái, Lộc Điền, Lộc Thành huyện Lộc Ninh
- Phía Đông: giáp xã Lộc Quang, Lộc Hiệp huyện Lộc Ninh
- Phía Tây: giáp xã Lộc Thiện, biên giới Việt Nam – Cambodia

Huyện Bù Đốp

- Phía Bắc: giáp biên giới Việt Nam – Cambodia
- Phía Nam: giáp thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp
- Phía Đông: giáp xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp
- Phía Tây: giáp xã Hưng Phước, Thiện Hưng huyện Bù Đốp

1.2. Địa hình

Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh có địa hình đồi núi dốc. Nằm ở độ cao trung bình từ 100 đến 220m so với mặt nước biển, thấp dần từ phía Đông Nam xuống phía Tây Bắc, có độ dốc bình quân khoảng 15 độ.

1.3. Khí hậu

Mỗi năm có 2 mùa gió: Mùa mưa và mùa khô. Về mùa mưa, gió thịnh hành Tây - Nam. Về mùa khô, gió thịnh hành Đông - Bắc. Chuyển tiếp giữa hai mùa còn có gió Đông.

Nhìn chung, trong 1 năm, nhiệt độ không khí dao động không đáng kể. Tháng 4 và tháng 5 là 2 tháng thường có nhiệt độ cao nhất (dao động từ 27°C đến 29°C), nhiệt độ thấp nhất trong năm dao động trong khoảng từ 24°C đến 25°C.

1.4. Lượng mưa

Trong vùng địa bàn của Công ty, mùa mưa thường kéo dài 6 tháng (thường bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 11), chiếm 90% lượng mưa cả năm. Mưa trung bình năm lớn nhất thường vào tháng 8 và mùa khô thường kéo dài 6 tháng (thường bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau), lượng mưa thời gian này chỉ chiếm 10 - 15% tổng lượng mưa cả năm; mưa trung bình tháng thấp nhất thường vào tháng 2.

1.5. Độ ẩm

Độ ẩm tương đối trung bình các tháng trong năm tại khu vực địa bàn Công ty thay đổi theo hướng giảm trong giai đoạn 2013 - 2014 (từ 76,1% còn 75,5%) và có chiều hướng tăng dần. Độ ẩm trung bình năm 2015 là 76,3%, năm 2016 là 77,5% và năm 2018 là 78,4%. Trong đó, từ tháng 5 đến tháng 10, độ ẩm không khí duy trì trên 80%; Những tháng còn lại độ ẩm luôn dao động từ trên 60% đến 80%.

1.6. Thủy văn

Do địa bàn Công ty nằm trên khu vực có địa hình đồi núi dốc kẹp giữa các thung lung nhỏ hẹp, không thuộc lưu vực chính nên sông suối không nhiều. Lưu lượng dòng chảy suối trong khu vực nhỏ từ 10 - 15 m/s, bề rộng suối hẹp. Vì vậy, vào mùa khô, đặc biệt là tháng 3, tháng 4 trong năm, nguồn nước bị cạn kiệt và nguồn nước phục vụ cho các hoạt động chăm sóc rừng hoàn toàn phụ thuộc vào nguồn nước ngầm.

Nguồn nước ngầm ở khu vực này nằm tương đối sâu, qua khảo sát, một số giếng đào và giếng khoan trong vùng có độ sâu 40-70m so với mặt đất.

2. Đất đai

Theo kết quả điều tra, đánh giá hiện trạng đất đai của công ty kết hợp với kết quả khảo sát tại hiện trường, đất đai trong khu vực do công ty quản lý được chia làm 2 loại là đất nâu đỏ trên đá bazan (Acric Rhodic Ferrasols), đất nâu vàng trên đá bazan (Acric Xanthic Ferrasols) và đất nâu vàng trên phù sa cổ (Haplic Chromic Acrisols)

3. Kinh tế, xã hội

3.1. Kinh tế:

Công ty với diện tích cây cao su là 11.336,14, chiếm tỷ lệ 17,7% so với diện tích cao su của 2 huyện Lộc Ninh và Bù Đốp, tạo việc làm ổn định cho 2.711 lao động trực tiếp và gián tiếp. Trong những năm gần đây, do giá bán mủ cao su ở mức thấp nên ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của người lao động, tuy nhiên Công ty vẫn đảm bảo trả lương cho người lao động cao hơn mức lương tối thiểu vùng.

Ngoài ra, công ty đang quản lý và sử dụng 1 nhà máy chế biến mủ cao su. Nhà máy đã đáp ứng chế biến hết sản lượng mủ cao su thu hoạch của công ty và đáp ứng 1 phần thu mua tiểu điền và gia công ngoài tại địa phương. Tiền lương của người lao động tại Công ty bình quân khoảng 6.700.000 đồng/tháng; thu nhập của người lao động tại Công ty bình quân khoảng 5.341.110 đồng/tháng.

3.2. Dân số

Công ty nằm trong địa bàn có mật độ dân số trung bình, dân số trung bình năm 2019 là 114,674 nghìn người, bình quân 134 người/km². Tổng tỷ suất sinh năm 2019 đạt 2,27 con/phụ nữ. Các phường và thị trấn có mật độ dân số cao hơn các xã.

3.3. Lao động

- Tổng số lao động Công ty hiện tại là 2.842 người, trong đó trình độ trên Thạc sỹ, sau Đại học 10 người, Đại học 247 người, Cao đẳng 102 người, trung cấp 147 người, lao động phổ thông: 2.258 người.

- Công ty đã tạo được việc làm và thu nhập ổn định cho cán bộ công nhân viên, với mức thu nhập bình quân trên 5,34 triệu đồng/người/tháng. Ngoài ra, hàng năm Công ty còn tạo việc làm cho hàng trăm lao động địa phương tại các Nông trường Công ty đang hoạt động sản xuất kinh doanh.

Việc thực hiện chế độ tiền lương, trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp

đối với người lao động của công ty:

3.5. Chính sách xã hội

- Thực hiện cấp phát và chi trả trợ cấp và kịp thời cho gia đình chính sách và cán bộ hưu trí theo quy định.

- Việc thực hiện chế độ tiền lương, trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động của Công ty được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định hiện hành, công khai, minh bạch. Công ty có bảng lương, phiếu lương cụ thể cho từng công nhân. Đơn giá, định mức tiền lương được công bố rộng rãi, rõ ràng.

3.6. Quốc phòng an ninh trên địa bàn

Công ty và các đơn vị trực thuộc (như nông trường, nhà máy,...) đã phối hợp với địa phương phát huy có hiệu quả hoạt động của mô hình Ban Chỉ huy thống nhất (giữa Công ty - huyện, thị xã; Tiểu ban chỉ huy thống nhất xã - nông trường) trong công tác bảo vệ tài sản, giữ gìn an ninh trật tự và phòng, chống các loại tội phạm xã hội trên địa bàn.

Công ty và các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch phòng chống cháy nổ và thực hiện nghiêm việc phòng chống cháy nổ trên vườn cây và các nhà máy, tổ chức lực lượng canh gác đảm bảo xử lý kịp thời các sự cố xảy ra; phối hợp với cảnh sát PCCC Tỉnh và các huyện trên địa bàn tổ chức các đợt tập huấn nghiệp vụ và diễn tập phương án chữa cháy.

III. XÁC ĐỊNH DÂN TỘC CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

Công ty đã tiến hành điều tra, tham vấn chính quyền địa phương, người dân tộc về hoạt động văn hóa, tín ngưỡng, tập tục của người dân tộc diễn ra gần hoặc bên trong khu vực rừng Công ty quản lý nhằm thực hiện tốt công tác sản xuất kinh doanh, Công ty hợp tác với người dân tộc, cộng đồng địa phương nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động quản lý rừng bền vững, đồng thời đảm bảo tôn trọng quyền sở hữu quyền truyền thống và các phong tục, văn hóa tín ngưỡng của người dân tộc được bảo vệ và tôn trọng trên cơ sở tự nguyện của các bên tham gia. Kết quả đạt được như sau:

- Công ty nằm trong địa bàn có mật độ dân số trung bình, dân số trung bình năm 2019 là 114,674 nghìn người, bình quân 134 người/km². Về thành phần dân tộc, các xã có vườn cao su của Công ty quản lý có thành phần dân tộc khá đa dạng, gồm người Kinh, S' Tiêng, Khơ Me, Tày, Nùng và Hoa, trong đó người S' Tiêng và Khmer là những dân tộc sống lâu đời ở đây. Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 20,88% tổng số nhân khẩu huyện Lộc Ninh (khoảng 24.461 người), và chiếm 16.79% dân số huyện Bù Đốp, tuy nhiên phân bố không đều giữa các xã và tập trung nhiều ở các xã vùng sâu vùng xa của huyện. Cụ thể, các xã Lộc Thái, Lộc Thuận, Lộc Điền, Lộc Hòa, Lộc An, Lộc Tấn, Lộc Thạnh có người dân tộc thiểu số sinh sống. Trong đó xã Lộc Thái có 57 hộ người dân tộc thiểu số (bao gồm người Stiêng, Khơ Me, người Hoa), xã Lộc Thuận có 204 hộ người dân tộc thiểu số (bao gồm người Stiêng, Khơ Me), xã Lộc

Điền có 221 hộ người dân tộc thiểu số (bao gồm Stiêng, Khơ Me), xã Lộc Hòa có 272 hộ người dân tộc thiểu số (bao gồm người Stiêng, Khơ Me) xã Lộc An có 311 hộ người dân tộc thiểu số (bao gồm người STiêng, Thái), xã Lộc Tấn có 289 hộ người dân tộc thiểu số (bao gồm người Hoa, Khơ Me, Stiêng, Tày, Nùng, Mường, Giao, Thái, Sán diu, Giá Rai), xã Lộc Thạnh có 234 hộ người dân tộc thiểu số (bao gồm người Stiêng, Khơ me, Cro)

- Các phong tục, văn hóa của người dân tộc:

+ Dân tộc Kinh: Người Kinh trên địa bàn có diện tích rừng Công ty quản lý chiếm đa số so với các dân tộc còn lại, ngành nghề đa dạng chỉ có phần nhỏ canh tác nương rẫy, thường là những gia đình đã sinh sống lâu đời gần khu rừng và có rừng mới canh tác nương rẫy. Các hoạt động của họ không có ảnh hưởng xấu đến hoạt động quản lý của Công ty.

+ Dân tộc S' Tiêng: Phần lớn người S'tiêng vẫn giữ tập quán canh tác nương rẫy. Họ chặt cây đốt rẫy chọc lỗ trỉa hạt, làm cỏ bằng cuốc, thu hoạch lúa bằng tay hoặc bằng liềm cắt từng giẻ lúa và có tập quán làm vườn quanh nhà, trồng cây củ quả, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Tín ngưỡng của người S'tiêng là “vạn vật hữu linh”, họ quan niệm vật gì cũng có hồn, do đó họ thờ đa Thần. Đồng bào cho rằng từ con người vật nuôi, đồ đạc, cây cối, tảng đá đều có linh hồn. Tập tục và tín ngưỡng của người S'tiêng chỉ diễn ra gần khu vực rừng của Công ty, không gây ảnh hưởng đến các hoạt động quản lý của Công ty.

+ Dân tộc Khơ Me: Người Khmer đã biết thâm canh lúa nước từ lâu đời. Đồng bào biết chọn giống lúa, biết làm thủy lợi và lợi dụng thủy triều để thau chua, xỏ phèn cải tạo đất, có địa phương trồng nhiều dưa hấu. Đồng bào cũng phát triển kinh tế toàn diện như chăn nuôi trâu bò để cày kéo, nuôi lợn, gà, vịt đàn, thả cá và phát triển các nghề thủ công như dệt, gốm, làm đường từ cây thốt nốt. Từ lâu và hiện nay, chùa Khmer là tụ điểm sinh hoạt văn hóa – xã hội của đồng bào. Thanh niên người Khmer trước khi trưởng thành thường đến chùa tu học để trau dồi đức hạnh và kiến thức. Văn hóa, phong tục người Khmer không diễn ra gần hay trong khu vực rừng Công ty quản lý.

+ Dân tộc Tày: Từ xa xưa người Tày có tục canh tác nương rẫy, nhưng hiện nay chỉ còn số ít người thực hiện. Người Tày chỉ thờ cúng tổ tiên. Trong kho tàng văn hóa của dân tộc Tày, thì hát ca dao giao duyên luôn chứa đựng nhiều giá trị văn hóa tinh thần đặc sắc. Các hoạt động văn hóa tín ngưỡng của người Tày không diễn ra bên trong khu vực rừng Công ty quản lý.

+ Dân tộc Nùng: Người Nùng làm việc rất thành thạo nhưng do cư trú ở những vùng không có điều kiện khai phá ruộng nước cho nên nhiều nơi họ phải sống bằng nương rẫy là chính. Ngoài ngô, lúa họ còn trồng các loại củ, bầu bí, rau xanh...Họ biết làm nhiều nghề thủ công: dệt, rèn, đúc, đan lát, làm đồ gỗ, làm giấy dó, làm ngói âm dương... Nhiều nghề có truyền thống lâu đời nhưng vẫn là nghề phụ gia đình. Những hoạt động canh tác nương rẫy của người Nùng chỉ diễn ra ở khu vực tiếp giáp diện tích

rừng Công ty quản lý, không gây ra các tác động tiêu cực đến hoạt động quản lý của Công ty, không có tình trạng lấn chiếm đất xảy ra.

+ Dân tộc Hoa: Người dân tộc Hoa ở vùng nông thôn chủ yếu sống bằng nghề nông, xem lúa nước là đối tượng canh tác chính. Trong thờ cúng, nổi bật ở tín ngưỡng dân gian là thờ cúng tổ tiên, gia tộc, dòng họ, thờ cúng các vị thần phù hộ như thần bếp, thổ địa, thần tài... và một số vị thánh. Văn hóa, tín ngưỡng của người Hoa không gây tác động tiêu cực đến các hoạt động quản lý của Công ty.

- Tác động của các hoạt động quản lý của Công ty đối với người dân tộc: Các hoạt động quản lý của Công ty diễn ra trên diện tích đất Công ty, không ảnh hưởng đến người dân tộc. Đối với người đồng bào dân tộc thiểu số làm việc tại Công ty, Công ty đều tạo điều kiện để họ thực hiện các phong tục tập quán của mình. Ngoài ra, trên những diện tích cao su tái canh, Công ty còn tạo điều kiện để người đồng bào thiểu số canh tác lúa rẫy, góp phần ổn định đời sống cho họ.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Qua kết quả điều tra, tham vấn có thể thấy những hoạt động sản xuất, phong tục tập quán của người dân tộc không gây cản trở hay tác động tiêu cực đến các hoạt động quản lý của Công ty

Các hoạt động quản lý của Công ty cũng không gây tác động tiêu cực đến người dân tộc sống gần khu rừng Công ty quản lý. Mọi hoạt động có liên quan đến người dân tộc đều được thông báo trước và có sự đồng ý của họ.

Mối quan hệ giữa Công ty và người dân tộc luôn hài hòa, không có bất kỳ xung đột nào xảy ra.

2. Kiến nghị

Khi các hoạt động quản lý diễn ra Công ty cần có kế hoạch chi tiết giảm thiểu tối đa các tác động xấu đến người dân tộc, tránh những xung đột xảy ra. Đồng thời cần có biện pháp hỗ trợ người dân tộc sinh sống gần khu vực rừng Công ty quản lý phát triển kinh tế.



Đặng Kim Tuyên